TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HS-ST
Ngày: 21-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Triều.**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Đinh Thị Thanh Giang.**

2/ Ông **Trần Văn Phước.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông **Cao Duyệt Phương** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2025/TLST- HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 09/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Trần Thị Tuyết L, sinh năm: 1991; tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: Số H, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Con ông Trần Thanh H và bà Nguyễn Thị T; Bị cáo có chồng là Mai Văn H1 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2014.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "cấm đi khỏi nơi cư trú". Có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Đoàn Hồng H2, sinh năm 1980 – Trợ giúp viên pháp lý thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh B. (Có mặt)

* *Bị hại:*

- Mai Văn C, sinh năm 1994; (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Văn Đình T1, sinh năm 1966; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/05/2024, Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1991, nơi cư trú: 8 ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre trong lúc ở nhà thì nảy sinh ý định vào phòng riêng của anh Mai Văn C (em chồng L), sinh năm 1994 sống cùng nhà để tìm tài sản lấy trộm. Để thực hiện ý định, L vào phòng của anh C lấy chìa khóa mở tủ lấy số tiền 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) và 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt rồi đem đến tiệm vàng "Tâm" của anh Văn Đình T1, sinh năm 1966 ở ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre cầm được số tiền 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng) lấy tiền tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 05/6/2024, anh Mai Văn C về nhà phát hiện mất 1.500.000 đồng và chiếc nhẫn nên trình báo Công an xã T. Qua làm việc, Trần Thị Tuyết L đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 1939/KL-HĐĐG ngày 24/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng mua vào tháng 02 năm 2024 với giá 20.00.000 đồng có giá trị là 7.885.000 đồng.

Cáo trạng số: 03/CT-VKSCT 03/12/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo Trần Thị Tuyết L về "Tội trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị:

Tuyên bố bị cáo Trần Thị Tuyết L phạm "Tội trộm cắp tài sản"; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết L từ 06 (sáu) đến 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 12 (mười hai) đến 24 (hai mươi bốn) tháng**,** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/01/2025).

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho ông Mai Văn C: 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng.

Đối với anh Văn Đình T1 là người cầm chiếc nhẫn từ bị cáo Trần Thị Tuyết L nhưng không biết là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Văn Đình T1 trong vụ án này là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo bà Đoàn Hồng H2 trình bày: Thống nhất tội danh mà Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng đã truy tố, đồng thời tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến, khiếu nại gì về các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng cũng như các hành vi tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, bị hại là Mai Văn C có đơn xin vắng mặt. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có lời khai rõ ràng trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Tài sản bị chiếm đoạt là 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng và 1.500.000 đồng tiền mặt qua xác minh xác định do ông Mai Văn C là chủ sở hữu nên xác định bị hại trong vụ án là ông C. Lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại về vị trí, thời gian và đặc điểm tài sản mà bị cáo chiếm đoạt, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/05/2024, Trần Thị Tuyết L đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt theo kết luận định giá có giá trị là có giá trị là 7.885.000 đồng và 1.500.000 đồng tiền mặt của ông Mai Văn C.

[3] Bị cáo biết việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị xã hội lên án nhưng vì động cơ tư lợi bất chính, bị cáo đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự đầy đủ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương nơi bị cáo thực hiện tội phạm, tạo sự bất bình và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Lợi dụng sơ hở của bị hại trong việc quản lý, trông coi tài sản, bị cáo đã tiếp cận, lén lút lấy trộm tài sản và nhanh chóng tẩu thoát nhằm chiếm đoạt tài sản của bị hại, tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 9.385.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Trần Thị Tuyết L phạm *"Tội trộm cắp tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Cáo trạng và quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[4] *Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] *Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Bị cáo phạm tội nhưng đã tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo đang nuôi 02 con chưa thành niên; hộ cận nghèo đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[6] Xét bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018; Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[7] *Trách nhiệm dân sự:* Bị hại Mai Văn C đã nhận lại tài sản là 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng. Bị cáo Trần Thị Tuyết L đã bồi thường cho bị hại ông Mai Văn C số tiền là 1.500.000 đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Đình T1 số tiền là 4.500.000 đồng. Ông Mai Văn

C và ông Văn Đình T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm trong vụ án này nên ghi nhận.

[8] *Xử lý vật chứng:*

Đối với 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng là tài sản của bị hại, quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại tài sản cho bị hại là phù hợp nên ghi nhận.

[9] *Về án phí*: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[10] Đối với anh Văn Đình T1 là người cầm chiếc nhẫn từ bị cáo Trần Thị Tuyết L nhưng không biết là tài sản do L trộm cắp mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Văn Đình T1 trong vụ án này là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] *Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51;* Điều 65; Bộ *luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:*

Tuyên bố bị cáo **Trần Thị Tuyết L** phạm *"Tội trộm cắp tài sản".*

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tuyết L 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng**,** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 21/01/2025).

Giao bị cáo Trần Thị Tuyết L cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] *Trách nhiệm dân sự*: Ghi nhận bị hại Mai Văn C đã nhận lại tài sản là 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng. Bị cáo Trần Thị Tuyết L đã bồi thường cho bị hại ông Mai Văn C số tiền là 1.500.000 đồng và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Văn Đình T1 số tiền là 4.500.000 đồng. Ông Mai Văn C và ông Văn Đình T1 không có yêu cầu bồi thường gì thêm trong vụ án này nên ghi nhận.

[3] *Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015*:

Xử lý vật chứng:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại cho ông Mai Văn C: 01 nhẫn kim loại màu trắng có đính hạt màu trắng.

[4] *Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:*

Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND T. Bến Tre;
- VKSND T. Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an T. Bến Tre;
- Sở Tư pháp T. Bến Tre;
- VKSND H. Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Công an H. Châu Thành;
- Bộ phận HS Công an H. Châu Thành;
- UBND xã Tân Phú;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Triều